TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 4 - 2023
V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa chị S và anh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Lịch;

Ông Mai Thanh Tùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc " Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Hương S, sinh năm 1994; đăng ký thường trú: Xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; địa chỉ liên lạc: Thôn P, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Minh D, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Nam Định; địa chỉ: Thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trịnh Thị Hương S trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Minh D ngày 26/6/2019 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Chị và anh D đã có con chung trước khi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Xóm P, xã H,

huyện H. Sau khi cưới khoảng 03 tháng thì chị phát hiện anh D nghiện ma túy, nhiều lần lừa dối chị lấy tiền đi mua ma túy. Chị đã giúp anh D cai nghiện ma túy tại nhà nhưng vẫn không cai được, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau nên từ khoảng tháng 11/2019, chị đưa con lên Hà Nội làm thuê ở Cửa hàng ăn uống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không thể hàn gắn được tình cảm nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Ánh T, sinh ngày 03/10/2017, hiện con đang ở với chị tại nhà mẹ đẻ chị ở Thôn P, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ và khi đi làm thì chị gửi mẹ đẻ chăm sóc hộ. Khi ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con. Hiện tại chị đang làm thuê cho Cửa hàng ăn tại Hà Nội, thu nhập khoảng 09 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/3/2023, bị đơn anh Đỗ Minh D trình bày:

Anh thống nhất với chị Trịnh Thị Hương S về quá trình kết hôn và thời điểm xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh công nhận có lỗi của anh do mắc nghiện ma túy, kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Từ đầu tháng 11/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm với nhau. Đến nay chị S làm đơn xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Ánh T, sinh ngày 03/10/2017, hiện con đang ở với chị S. Khi ly hôn, chị S nhận nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất với chị S, vợ chồng không có tài sản, nghĩa vụ trả nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay do anh đang đi cai nghiện bắt buộc nên anh xin được giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng ông Đỗ Văn T trình bày: Ông là bố đẻ anh Đỗ Minh D. Hiện nay anh D đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Nam Định. Trước khi đi cai nghiện thì anh D ở nhà ông. Ông chỉ biết sau khi cưới thì anh D và chị S ở nhà ông thời gian ngắn rồi đi Hà Nội làm ăn. Từ khoảng 04 năm nay thì chị S không về nhà ông nữa, ông cũng không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh D và chị S thế nào. Nay ông không có ý kiến gì, chuyện tình cảm do chị S, anh D tự quyết định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Hương S, xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Hương S và anh Đỗ Minh D. Giao con chung là Đỗ Ánh T, sinh ngày 03/10/2017 cho chị Trịnh Thị Hương S trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đỗ Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S tự nguyện không yêu cầu. Đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Hương S, bị đơn anh Đỗ Minh D và người làm chứng ông Đỗ Văn T đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự, người làm chứng trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Hương S và anh Đỗ Minh D có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn 26/6/2019 tại UBND xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng ở nhà bố chồng tại Xóm P, xã H, huyện H. Sau đó vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D nghiện ma túy, không tu chí lao động làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Từ khoảng tháng 11/2019 thì vợ chồng sống ly thân. Đến nay chị S xin ly hôn thì anh D cũng nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị S và anh D đã kéo dài nhiều năm, các bên không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Hiện tại anh D đang phải chấp hành quyết định xử lý hành chính đưa vào sơ sở cai nghiện bắt buộc. Do đó cần giải quyết cho chị S và anh D được ly hôn là phù hợp với thực trạng của mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị S và anh D thống nhất vợ chồng có 01 con chung chưa thành niên là Đỗ Ánh T, sinh ngày 03/10/2017 hiện đang ở với chị S. chị S có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng; anh D cũng nhất trí. Do đó cần giao con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. chị S tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên anh D không phải cấp dưỡng.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản; đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Hương S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Hương S và anh Đỗ Minh D.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Ánh T, sinh ngày 03/10/2017 cho chị Trịnh Thị Hương S trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Thùy đang ở với chị S). Anh Đỗ Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Trịnh Thị Hương S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006576 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Trịnh Thị Hương S đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng:

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên